

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 14.1.2023

CON ĐƯỜNG CHÚNG TA ĐI
Kinh Đạo Hành (Paṭipadāsuttam)

Tập II – Thiên Nhân Duyên

Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (a) - Phẩm Phật Đà (S. ii, 2)

Nói đến tôn giáo người ta thường y cứ trên những luận điểm để phê phán chánh đạo hay tà đạo. Đức Phật trong lời dạy thực tiễn đã đề cập đến tà đạo và chánh đạo trong ý nghĩa con đường đau khổ và con đường thoát khổ. Sống và hành trì thế nào mà khiến cho “sinh sự, sự sinh” đó là tà đạo. Ngược lại tu tập để cắt đứt tiếp nối chuỗi dài hệ lụy đó là chánh đạo. Chánh tà ở đây trong ý nghĩa rất riêng và rất sâu xa. Không phải giữa đạo này với đạo khác, pháp môn này với pháp môn khác mà từng khoảnh khắc phấn đấu tu tập của hành giả.

Trong cái nhìn khác, nếu đau khổ là đặc tính phổ quát của cuộc đời thì tất cả chúng sanh đều đang đi trên đường bế tắc vì không hiểu rõ duyên sinh dù đang xuôi ngược trên vạn nẻo đời như câu thơ: Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió, Coi lại cùng trong bể thảm thôi! (Bể thảm - Đoàn Như Khuê)



Kinh Văn

Sāvattھیyaṃ viharati ... pe ... “micchāpaṭipadañca vo, bhikkhave, desessāmi sammāpaṭipadañca. taṃ suñātha, sādhukaṃ manasi karotha; bhāsissāmi”ti. “evaṃ bhante”ti kho te bhikkhū bhagavato paccassosum. bhagavā etadavoca

Ngự ở Sāvattھی (Xá vệ).

-- Nay chur tỳ khuru, Ta sẽ thuyết và phân tích về duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

-- Dạ thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các tỳ khuru, trả lời Đức Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

“Katamā ca, bhikkhave, micchāpaṭipadā? Avijjāpaccayā, bhikkhave, saṅkhārā; saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti. Ayaṃ vuccati, bhikkhave, micchāpaṭipadā.

-- Nay chư tỳ khuru, thế nào là tà đạo? Với vô minh là duyên, hành sanh khởi; hành là duyên, thức sanh khởi; thức là duyên, danh sắc sanh khởi; danh sắc là duyên, lục nhập sanh khởi; lục nhập là duyên, xúc sanh khởi; xúc là duyên, thọ sanh khởi; thọ là duyên, ái sanh khởi; ái là duyên, thủ sanh khởi; thủ là duyên, hữu sanh khởi; hữu là duyên, sinh sanh khởi; sinh là duyên, già, chết, khổ, ưu, ai sanh khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn tập khởi. Đây gọi là tà đạo.

“Katamā ca, bhikkhave, sammāpaṭipadā? Avijjāya tveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho; saṅkhāranirodhā viññāṇanirodho...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti. Ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammāpaṭipadā”ti. Tatiyaṃ.

Nay chư tỳ khuru, thế nào là chánh đạo? Do vô minh diệt hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sinh diệt. Do sinh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này diệt tận. Đây gọi là chánh đạo.



Thích nghĩa

Chữ paṭipadā có nghĩa phương thức, sự thực hành để đạt đến mục đích nào đó. Dịch chính xác là đạo hành. Ở đây không phải là con đường để đi như chữ magga mà là phương cách đi.

Trong bài kinh này Đức Phật dùng hai từ micchāpaṭipadā (đạo hành sai hay tà đạo) và sammāpaṭipadā (đạo hành đúng hay chánh đạo) trong ý nghĩa tế nhị của đời sống

và sự tu tập theo Phật đạo chứ không theo ý nghĩa tà đạo hay chánh đạo theo cách nói tổng quát về tôn giáo hay tín ngưỡng thường tình.

Trên phương diện pháp hành thì hành giả tu tập thế nào mà giảm thiểu hay ngăn chặn được sự tác động dây chuyền thí dụ không để thọ duyên ái hay ái duyên thủ hoặc thủ duyên hữu. Sự tu tập y cứ trên mười hai nhân duyên là một trong những điểm rất tế nhị của pháp hành.

Ở cách hiểu khác thì tất cả sở hành dẫn đến sự tập khởi của khổ đau đều là con đường sai lầm. Với tâm hướng cầu thoát khổ và tu tập diệt khổ là chánh đạo. Tà và chánh ở đây phải hiểu trong ý nghĩa phổ quát và thực tiễn vì mỗi chúng sanh trong đời đều giống nhau.

Tỳ khưu Giác Đăng soạn dịch

3. Paṭipadāsuttam

3. Sāvattiyam viharati...pe... “micchāpaṭipadañca vo, bhikkhave, desessāmi sammāpaṭipadañca.

Taṃ suṇātha, sādhucaṃ manasi karotha; bhāsissāmī”ti. “Evaṃ bhante”ti kho te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca –

“Katamā ca, bhikkhave, micchāpaṭipadā? Avijjāpaccayā, bhikkhave, saṅkhārā; saṅkhārapaccayā viññānaṃ...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti. Ayaṃ vuccati, bhikkhave, micchāpaṭipadā.

“Katamā ca, bhikkhave, sammāpaṭipadā? Avijjāya tveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho; saṅkhāranirodhā viññānanirodho...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti. Ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammāpaṭipadā”ti. Tatiyaṃ.

3. Paṭipadāsuttavaṇṇanā

3. Tatiye micchāpaṭipadanti ayaṃ tāva aniyyānikapaṭipadā. Nanu ca avijjāpaccayā puññābhisāṅkhāropi atthi āneñjābhisāṅkhāropi, so kathaṃ micchāpaṭipadā hotīti. Vaṭṭasīsattā. Yañhi kiñci bhavattayasāṅkhātamaṃ vaṭṭamaṃ patthetvā pavattitamaṃ, antamaso pañcābhiññā atṭha vā pana samāpattiyo, sabbamaṃ tamaṃ vaṭṭapakkiyamaṃ vaṭṭasīsanti vaṭṭasīsattā micchāpaṭipadāva hoti. Yaṃ pana kiñci vivaṭṭamaṃ nibbānaṃ patthetvā pavattitamaṃ, antamaso uḷunkayāgumattadānampi

paṇṇamuṭṭhidānamattampi, sabbaṃ taṃ vivaṭṭapakkiyaṃ vivaṭṭanissitaṃ, vivaṭṭapakkhikattā sammāpaṭipadāva hoti. Appamattakampi hi paṇṇamuṭṭhimattadānakusalaṃ vā hotu mahantaṃ velāmadānādikusalaṃ vā, sace vaṭṭasampattiṃ patthetvā vaṭṭanissitavasena micchā ṭhapitaṃ hoti, vaṭṭameva āharitaṃ sakkoti, no vivaṭṭaṃ. “Idaṃ me dānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotū”ti evaṃ pana vivaṭṭaṃ patthentena vivaṭṭavasena sammā ṭhapitaṃ arahattampi paccekabodhiñāṇampi sabbaññutaññāṇampi dātuṃ sakkotiyeva, na arahattaṃ appatvā pariyosānaṃ gacchati. Iti anulomavasena micchāpaṭipadā, paṭilomavasena sammāpaṭipadā desitāti veditabbā. Nanu cettha paṭipadā pucchitā, nibbānaṃ bhājitaṃ, niyyātanepi paṭipadāva niyyātītā. Na ca nibbānassa paṭipadāti nāmaṃ, savipassanānaṃ pana catunnaṃ maggānametaṃ nāmaṃ, tasmā pucchāniyyātanehi padabhājanaṃ na sametīti. No na sameti, kasmā? Phalena paṭipadāya dassitattā. Phalena hettha paṭipadā dassitā. “Avijjāya tveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho”ti etaṃ nirodhasaṅkhātaṃ nibbānaṃ yassā paṭipadāya phalaṃ, ayaṃ vuccati, bhikkhave, sammāpaṭipadāti ayamettha attho. Imasmiṅca atthe asesavirāganirodhāti ettha virāgo nirodhasseva vevacanaṃ, asesavirāgā asesanirodhāti ayañhettha adhippāyo. Yena vā virāgasāṅkhātena maggena asesanirodho hoti, taṃ dassetuṃ etaṃ padabhājanaṃ vuttaṃ. Evañhi sati sānubhāvā paṭipadā vibhattā hoti. Iti imasmimpi sutte vaṭṭavivaṭṭameva kathitanti. Tatiyaṃ.